

Số: 57 /BC-UBND

Tây Ninh, ngày 16 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg;

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh như sau:

I. Kết quả đạt được

1. Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh đã ban hành Kế hoạch số 291/KH-UBND ngày 20/01/2022 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL); hòa giải ở cơ sở (HGCS); xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (CTCPL) năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh để chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác xây dựng, đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt CTCPL tại địa phương.

Ban hành Công văn số 2921/UBND-NC ngày 05/9/2022 hướng dẫn tiêu chí huyện đạt CTCPL thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới, tiêu chí tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 và tiêu chí thị xã, thành phố thuộc tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Chỉ đạo Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh ban hành Công văn hướng dẫn công tác xây dựng, đánh giá, công nhận cấp xã đạt CTCPL trên địa bàn tỉnh (Công văn số 76/HĐPH ngày 10/01/2022, Công văn số 697/HĐPH ngày 24/3/2022) và Công văn số 1531/HĐPH ngày 05/7/2022 v/v thực hiện một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Sở Tư pháp ban hành Công văn số 1706/STP-XDPBPL ngày 01/8/2022 hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật.

Trên cơ sở chỉ đạo của tỉnh, Ủy ban nhân dân, Hội đồng Phối hợp PBGDPL các huyện, thị xã, thành phố và Phòng Tư pháp ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác xây dựng, đánh giá, công nhận cấp xã đạt CTCPL trên địa bàn cấp huyện.

2. Triển khai thông tin, truyền thông, tập huấn

Trong năm 2022, địa phương đã tổ chức 10 Hội nghị tập huấn nghiệp vụ xây dựng, đánh giá, công nhận cấp xã đạt CTCPL cho Hội đồng Đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Cấp phát tài liệu nghiệp vụ xây dựng, đánh giá, công nhận cấp xã đạt CTCPL cho Hội đồng Đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Sở Tư pháp ban hành Kế hoạch số 1280/KH-STP ngày 07/6/2022 về thông tin truyền thông tuyên truyền Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Viết, đăng tải trên Báo Tây Ninh, Hệ thống thông tin cơ sở và Trang Thông tin điện tử PBGDPL tỉnh Tây Ninh về Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Công tác thông tin, truyền thông về xây dựng, đánh giá, công nhận cấp xã đạt CTCPL còn được thực hiện trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện; các trang mạng xã hội (facebook, fanpage, zalo); Đài Truyền thanh cấp huyện và cấp xã qua đó nâng cao nhận thức của các cấp, ngành và người dân về công tác xây dựng cấp xã đạt CTCPL.

3. Tổ chức kiểm tra, triển khai giải pháp khắc phục, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc

Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh và Hội đồng Phối hợp PBGDPL các huyện, thị xã, thành phố ban hành Kế hoạch tổ chức kiểm tra, tự kiểm tra công tác PBGDPL, HGCS, xây dựng cấp xã đạt CTCPL 09 tháng đầu năm 2022; Kế hoạch kiểm tra công tác tư pháp và công tác thi đua, khen thưởng năm 2022.

Tổ chức kiểm tra, tự kiểm tra công tác CTCPL 09 tháng đầu năm 2022 và năm 2022 tại địa bàn cấp huyện và cấp xã. Ngay sau khi kết thúc đợt kiểm tra, tự kiểm tra, ban hành Thông báo Kết luận, đề ra giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác xây dựng, đánh giá, công nhận cấp xã đạt CTCPL.

4. Bố trí nguồn lực thực hiện

Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch là đầu mối tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp chỉ đạo,

hướng dẫn, thực hiện, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra công tác xây dựng, đánh giá, công nhận cấp xã đạt CTCPL tại địa phương.

Ở cấp huyện, thành lập Hội đồng đánh giá CTCPL tư vấn, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt CTCPL và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 09/2021/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Trong năm 2022, kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước đã chi trả cho công tác CTCPL là 229.318.000 đồng.

5. Kết quả tổ chức đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Địa phương đã tổ chức đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt CTCPL theo đúng quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định và Thông tư số 09/2021/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai việc tự chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu và đánh giá kết quả đạt CTCPL. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định công nhận 91/94 xã, phường, thị trấn đạt CTCPL (tăng 02 xã so với năm 2021); 03/94 xã, phường chưa đạt CTCPL (giảm 02 xã so với năm 2021).

(Kèm theo Biểu mẫu phục vụ báo cáo, theo dõi, quản lý xã, phường, thị trấn đạt CTCPL; danh sách xã, phường, thị trấn đạt CTCPL và danh sách xã, phường chưa đạt CTCPL).

II. Thuận lợi, khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

1. Thuận lợi

Công tác xây dựng, đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt CTCPL trong năm 2022 tại địa phương gặp nhiều thuận lợi do đã nhận được sự hướng dẫn, chỉ đạo xuyên suốt của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tư pháp. Bên cạnh đó, còn có sự chung tay đồng lòng của cả hệ thống chính trị mà nòng cốt là ngành Tư pháp địa phương.

Hội đồng đánh giá CTCPL cấp huyện hoạt động hiệu quả, phát huy tốt vai trò tư vấn, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt CTCPL và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 09/2021/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Công tác xây dựng, đánh giá, công nhận cấp xã đạt CTCPL được địa phương quan tâm chú trọng triển khai thực hiện do gắn với việc xây dựng nông thôn mới.

2. Khó khăn, hạn chế

Bên cạnh những thuận lợi như trên, trong năm 2022, địa phương cũng còn gặp khó khăn, lúng túng trong công tác xây dựng, đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt CTCPL.

Một số xã chưa quyết liệt trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác xây dựng, chấm điểm, đánh giá cấp xã đạt CTCPL tại địa phương và phân công các công chức chuyên môn theo dõi thường xuyên, chấm điểm, đánh giá từng tiêu chí, chỉ tiêu gắn với trách nhiệm, nhiệm vụ của công chức, một số nơi còn khoán trắng cho công chức Tư pháp – Hộ tịch thực hiện.

Công tác PBGDPL ở một số địa bàn cấp xã được triển khai thực hiện chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người dân.

Một số xã chưa đảm bảo kinh phí chi đủ để thực hiện nhiệm vụ PBGDPL theo đúng quy định pháp luật về PBGDPL, chưa đảm bảo kinh phí chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải đúng mức chi theo quy định.

Vẫn còn một số tiêu chí, chỉ tiêu thực hiện chưa đạt theo quy định.

Công tác xây dựng cấp xã đạt CTCPL ở một số địa bàn cấp xã chưa được triển khai ngay từ đầu năm 2022.

Công tác tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt CTCPL của Ủy ban nhân dân tỉnh còn cấp rập về thời gian.

3. Nguyên nhân của khó khăn, hạn chế

Công tác xây dựng, đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt CTCPL trong năm 2022 thực hiện theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 09/2021/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp là văn bản mới (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022) và các văn bản hướng dẫn của Trung ương mới được ban hành nên việc triển khai thực hiện của địa phương còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng.

Một số địa bàn cấp xã còn khó khăn về kinh phí nên một số tiêu chí, chỉ tiêu về chi kinh phí cho công tác PBGDPL, HGCS chưa đảm bảo theo quy định.

Để đạt được CTCPL, xã phải đáp ứng các điều kiện theo quy định, trong đó có rất nhiều tiêu chí, chỉ tiêu. Tuy nhiên, hiện nay đội ngũ công chức cấp xã quá mỏng và phải đảm nhiệm khối lượng công việc lớn nên gặp khó khăn trong công tác xây dựng, đánh giá cấp xã đạt CTCPL.

Một số xã chưa chủ động triển khai xây dựng, đánh giá cấp xã đạt CTCPL ngay từ đầu năm mà đợi đến cuối tháng 12 mới thực hiện do đó chất lượng, hiệu quả chưa cao.

Có sự thay đổi một số thành viên Hội đồng đánh giá CTCPL cấp huyện và công chức cấp xã, những người mới chưa được tập huấn nên gặp khó khăn trong việc xây dựng, đánh giá, công nhận cấp xã đạt CTCPL tại địa phương.

Tại một số địa bàn cấp xã, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa Ủy ban nhân dân và các tổ chức đoàn thể nên trong công tác xây dựng, đánh giá cấp xã đạt CTCPL chưa được nhịp nhàng, đồng bộ, hiệu quả chưa cao.

Các xã chưa đạt CTCPL là do có cán bộ là người đứng đầu chính quyền xã bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ.

Thông tư số 09/2021/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định thời gian Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt CTCPL về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 15 tháng 02 của năm liền kề sau năm đánh giá; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Tư pháp trước ngày 20 tháng 02 của năm liền kề sau năm đánh giá. Như vậy, thời gian để cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Tư pháp chỉ có 05 ngày là quá ngắn (trong năm 2022 có trùng thứ 7 và chủ nhật là ngày nghỉ), do đó việc tổng hợp, báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh còn cấp rập về thời gian.

III. Kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện năm 2023

1. Mục tiêu thực hiện

94/94 xã, phường, thị trấn đạt CTCPL.

2. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

Ủy ban nhân dân cấp xã đẩy mạnh tổ chức triển khai thực hiện công tác xây dựng, đánh giá cấp xã đạt CTCPL tại địa phương; phân công các công chức chuyên môn theo dõi thường xuyên, chấm điểm, đánh giá từng tiêu chí, chỉ tiêu gắn với trách nhiệm, nhiệm vụ của công chức và có sự theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở, chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong suốt thời gian cả năm.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, chính quyền các cấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân tại các xã chưa đạt CTCPL về vị trí, vai trò, ý nghĩa của công tác xây dựng cấp xã đạt CTCPL.

Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng, đánh giá, công nhận cấp xã đạt CTCPL.

Ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phải phân bổ kinh phí cho công tác PBGDPL, HGCS và CTCPL để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, đảm bảo hoàn thành các tiêu chí, chỉ tiêu; nhất là kinh phí chi cho công tác PBGDPL phải đáp ứng nhu cầu của địa phương và kinh phí chi hỗ trợ cho Tổ Hòa giải đúng mức chi theo quy định.

Công chức cấp xã chủ động sắp xếp công việc một cách khoa học, hợp lý; triển khai công tác xây dựng, đánh giá cấp xã đạt CTCPL ngay từ đầu năm để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác này.

Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa Ủy ban nhân dân và các tổ chức đoàn thể cấp xã để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng, đánh giá cấp xã đạt CTCPL.

Nâng cao tinh thần trách nhiệm, năng lực thi hành công vụ của cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền xã, phường, thị trấn.

IV. Kiến nghị, đề xuất

1. Trung ương ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn công tác xây dựng, đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt CTCPL ngay từ đầu năm để địa phương triển khai thực hiện kịp thời.

2. Quy định thời gian phù hợp để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kịp thời tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện công tác đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt CTCPL về Bộ Tư pháp.

Trên đây là Báo cáo kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Sở Tư pháp;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, VP.UBND.

4

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Đức Trung

[illegible]

Tổng hợp thông tin, số liệu các chỉ tiêu, nội dung xác định theo điểm số
(Kèm theo Báo cáo số .../BC-UBND ngày .../02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

STT	Địa phương	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2				Tiêu chí 3	Tiêu chí 4		Tiêu chí 5		
		Điểm số ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao	Điểm số lập, đăng tải danh mục thông tin đúng quy định pháp luật	Điểm số ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số số triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở	Điểm số bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật	Điểm số đề xuất hỗ trợ kinh phí hòa giải ở cơ sở	Điểm số tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	Điểm số các nội dung đề Nhân dân giám sát	Điểm số tổ chức tiếp công dân đúng quy định	Điểm số không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Điểm số đạt tiêu chuẩn về "An toàn an ninh trật tự"
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỈNH TÂY NINH											
	Thành phố Tây Ninh											
1	Phường 1	3	0.5	2	0	3	4	3	5	7	5	6
2	Phường 2	3	0.5	2	5	3	4	3	5	7	0	6
3	Phường 3	3	0.5	2	5	3	4	3	5	7	5	6
4	Phường 4	3	0.5	2	5	3	4	3	5	7	5	6
5	Phường Hiệp Ninh	3	1	2	3	3	4	3	5	7	5	6
6	Phường Ninh Thạnh	3	0.5	2	5	3	4	3	5	7	5	6
7	Phường Ninh Sơn	3	0.5	2	3	3	4	3	5	7	5	6
8	Xã Bình Minh	3	1	2	5	3	4	3	5	7	5	6
9	Xã Tân Bình	3	0.5	2	5	3	4	3	5	7	5	6
10	Xã Thạnh Tân	3	0.5	2	5	3	4	3	5	7	5	6
	Thị xã Trảng Bàng											
1	Phường An Hòa	10	6	8	5	3	4	3	5	7	5	6
2	Phường An Tịnh	10	6	8	5	3	4	3	5	7	5	6
3	Phường Gia Bình	10	6	6	5	3	4	3	5	7	5	6
4	Phường Gia Lộc	10	6	6	5	3	4	3	5	7	0	6
5	Phường Lộc Hưng	10	6	8	5	3	4	3	5	7	5	6

6	Phường Trảng Bàng	10	6	8	5	3	4	3	5	7	5	6
7	Xã Đôn Thuận	10	6	6	5	3	4	3	4	7	5	6
8	Xã Hưng Thuận	10	6	6	5	3	4	3	5	7	5	6
9	Xã Phước Chi	10	6	8	5	3	4	3	5	7	5	6
10	Xã Phước Bình	10	6	8	5	3	4	3	5	7	5	6
	Thị xã Hòa Thành											
1	Phường Hiệp Tân	10	6	7	5	3	4	3	5	7	5	6
2	Phường Long Hoa	10	6	7	5	3	4	3	5	7	5	6
3	Phường Long Thành Bắc	10	6	7	5	3	4	3	5	7	5	6
4	Phường Long Thành Trung	10	6	8	5	3	4	3	5	7	0	6
5	Xã Long Thành Nam	10	6	7	5	3	4	3	5	7	5	6
6	Xã Trường Hòa	10	6	8	5	3	4	3	5	7	5	6
7	Xã Trường Đông	10	6	7	5	3	4	3	5	7	0	6
8	Xã Trường Tây	10	6	7	5	2	3	3	5	7	0	6
	Huyện Gò Dầu											
1	Xã Cẩm Giang	3	1	2	5	3	4	3	5	7	5	6
2	Xã Thanh Đức	3	1	2	5	3	4	3	5	7	5	6
3	Xã Hiệp Thạnh	3	1	2	3	3	4	3	5	7	0	6
4	Xã Phước Trạch	3	1	2	3	3	4	3	5	7	5	6
5	Xã Phước Thạnh	3	1	2	5	3	4	3	5	7	5	6
6	Xã Bàu Đôn	3	1	2	5	3	4	3	5	7	5	6
7	Xã Phước Đông	3	1	2	5	3	4	3	5	7	5	6
8	Xã Thanh Phước	3	1	2	5	3	4	3	5	7	5	6
9	Thị trấn Gò Dầu	3	1	2	5	3	4	3	5	7	5	6
	Huyện Bến Cầu											
1	Xã An Thạnh	3	1	2	5	3	4	3	5	3	5	6
2	Xã Lợi Thuận	3	1	2	5	3	4	3	5	3	5	6
3	Xã Tiên Thuận	3	1	2	5	3	4	3	5	3	5	6
4	Xã Long Thuận	3	1	2	5	3	4	3	5	3	5	6
5	Xã Long Khánh	3	1	2	5	3	4	3	5	3	5	6
6	Xã Long Phước	3	1	2	5	3	4	3	5	3	5	6
7	Xã Long Giang	3	1	2	5	3	4	3	5	3	5	6
8	Xã Long Chữ	3	1	2	5	3	4	3	5	3	5	6
9	Thị trấn Bến Cầu	3	1	2	5	3	4	3	5	3	5	6
	Huyện Tân Biên											
1	Xã Tân Phong	3	1	2	5	3	4	3	5	3	5	6
2	Xã Tân Lập	3	1	2	5	3	4	3	5	3	5	6

3	Xã Thạnh Tây	3	1	2	5	2	4	3	5	3	5	6
4	Xã Tân Bình	3	1	2	3	3	4	3	4	3	5	6
5	Xã Thạnh Bình	3	1	1	5	3	4	2	5	3	5	6
6	Xã Hòa Hiệp	3	1	2	5	3	4	3	5	3	5	6
7	Xã Trà Vong	3	1	2	5	3	4	3	5	3	5	6
8	Xã Mỏ Công	3	1	2	3	3	4	3	5	3	5	6
9	Xã Thạnh Bắc	3	1	2	3	3	4	3	5	3	5	6
10	Thị trấn Tân Biên	3	1	2	3	3	4	3	5	3	5	6
Huyện Dương Minh Châu												
1	Xã Suối Đá	3	1	2	5	3	2.5	0	5	2.75	5	0
2	Xã Phan	3	1	2	5	3	2.75	2	5	2.75	5	0
3	Xã Bàu Nặng	3	1	2	5	3	2.75	3	5	2.75	5	0
4	Xã Chà Là	3	1	2	5	3	2.75	2	5	2.75	5	6
5	Xã Cầu Khởi	3	1	2	5	3	3.25	3	5	3	5	6
6	Xã Truong Mít	3	1	2	5	3	4	2	5	2.75	0	6
7	Xã Lộc Ninh	3	1	0	5	3	2.5	2	5	2.75	5	6
8	Xã Bến Củi	3	1	1	5	3	3.25	2	5	2.75	5	6
9	Xã Phước Minh	3	1	1	5	3	3.25	3	5	2.75	5	6
10	Xã Phước Ninh	3	1	1	5	3	3.25	3	5	2.75	5	6
11	Thị trấn Dương Minh Châu	3	1	2	5	3	2.5	0	5	2.75	5	6
Huyện Châu Thành												
1	Xã An Bình	3	1	2	5	3	4	3	4	3	5	6
2	Xã Thanh Điền	3	1	2	5	3	4	3	4	2.5	5	0
3	Xã Long Vĩnh	3	1	2	5	1	4	3	4	3	5	6
4	Xã Đồng Khởi	3	1	2	5	3	4	3	4	3	5	6
5	Xã An Cơ	3	1	2	5	3	4	3	4	3	5	0
6	Xã Hào Đức	3	1	2	3	2	4	3	4	3	5	6
7	Xã Phước Vĩnh	3	1	2	3	0.5	4	3	4	3	5	6
8	Xã Thái Bình	3	1	2	3	3	4	3	4	3	5	0
9	Xã Trí Bình	3	1	2	5	2	4	3	4	3	5	6
10	Xã Thành Long	3	1	2	3	2	4	3	4	3	5	6
11	Xã Ninh Điền	3	1	2	5	2	4	3	4	3	5	6
12	Xã Hòa Hội	3	1	2	5	3	3.5	3	4	3	5	0
13	Xã Hòa Thạnh	3	1	2	5	0.5	3	3	4	3	5	6
14	Xã Biên Giới	3	1	2	5	3	4	3	4	3	5	6
15	Thị trấn Châu Thành	3	1	2	5	3	4	3	4	3	5	6
Huyện Tân Châu												
1	Xã Thạnh Đông	3	1	2	5	3	1	3	4	7	5	6
2	Xã Tân Hội	3	1	2	5	3	1	3	4	7	5	6
3	Xã Tân Hưng	3	1	2	5	3	1	3	4	7	5	6

4	Xã Tân Hiệp	3	1	2	5	3	1	3	4	7	5	6
5	Xã Tân Đông	3	0.5	2	5	3	1	3	4	7	5	6
6	Xã Tân Thành	3	1	2	3	3	1	3	4	7	5	6
7	Xã Suối Ngõ	3	1	2	3	3	1	3	4	7	5	6
8	Xã Tân Phú	3	0	1	5	3	1	3	4	7	5	6
9	Xã Tân Hà	3	1	2	5	3	1	3	4	7	5	6
10	Xã Suối Dây	3	1	2	3	3	0	3	4	7	5	6
11	Xã Tân Hòa	3	1	2	0	3	1	3	4	7	5	6
12	Thị trấn Tân Châu	3	1	2	5	3	1	3	4	7	5	6

(Kèm theo Báo cáo số 57/BC-UBND ngày 16/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

STT	Địa phương	Mức độ đạt điểm số						Mức độ đạt chỉ tiêu																	
		Số chỉ tiêu đạt điểm 0/20 chỉ tiêu		Số chỉ tiêu đạt điểm dưới 50% điểm tối đa/20 chỉ tiêu		Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa/20 chỉ tiêu		Số xã, phường, thị trấn có dưới 05/20 chỉ tiêu đạt điểm dưới 50% điểm tối đa						Số xã, phường, thị trấn có từ 05 đến dưới 10/20 chỉ tiêu đạt điểm dưới 50% điểm tối đa						Số xã, phường, thị trấn có từ 10/20 chỉ tiêu trở lên đạt điểm dưới 50% điểm tối đa					
								Xã		Phường		Thị trấn		Xã		Phường		Thị trấn		Xã		Phường		Thị trấn	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
	TỈNH TÂY NINH																								
	Thành phố Tây Ninh																								
1	Phường 1					13	65																		
2	Phường 2					13	65																		
3	Phường 3					15	75																		
4	Phường 4					14	70																		
5	Phường Hiệp Ninh					14	70																		
6	Phường Ninh Thành					16	80																		
7	Phường Ninh Sơn					14	70																		
8	Xã Bình Minh					18	90																		
9	Xã Tân Bình					15	75																		
10	Xã Thanh Tân					19	95																		
	Thị xã Trảng Bàng									1	5									4	40	5	50		
1	Phường An Hòa					19	95																		
2	Phường An Tịnh					18	90																		
3	Phường Gia Bình					18	90																		
4	Phường Gia Lộc			1	5																				
5	Phường Lộc Hưng					19	95																		
6	Phường Trảng Bàng					19	95																		
7	Xã Đôn Thuận					17	85																		
8	Xã Hưng Thuận					18	90																		
9	Xã Phước Chi					19	95																		
10	Xã Phước Bình					18	90																		
	Thị xã Hòa Thành																								
1	Phường Hiệp Tân					16	80																		
2	Phường Long Hoa					16	80																		
3	Phường Long Thành Bắc					16	80																		
4	Phường Long Thành Trung					18	90																		
5	Xã Long Thành Nam					16	80																		
6	Xã Trường Hòa					18	90																		
7	Xã Trường Đông					15	75																		
8	Xã Trường Tây					13	65																		
	Huyện Gò Dầu							1	11.11																
1	Xã Cẩm Giang					19	95																		
2	Xã Thanh Đức					20	100																		

[illegible]

[illegible]

DANH SÁCH
CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT NĂM 2022
(Kèm theo Báo cáo số ...57.../BC-UBND ngày/02/2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

I. Thành phố Tây Ninh

1. Phường Ninh Thạnh
2. Phường Ninh Sơn
3. Phường Hiệp Ninh
4. Phường 1
5. Phường 2
6. Phường 3
7. Phường 4
8. Xã Thanh Tân
9. Xã Bình Minh
10. Xã Tân Bình.

II. Thị xã Hòa Thành

1. Phường Long Thành Bắc
2. Phường Long Hoa
3. Phường Hiệp Tân
4. Phường Long Thành Trung
5. Xã Trường Hòa
6. Xã Long Thành Nam
7. Xã Trường Tây.

III. Thị xã Trảng Bàng

1. Phường An Hòa
2. Phường Lộc Hưng
3. Phường Trảng Bàng
4. Phường An Tịnh
5. Phường Gia Bình
6. Xã Phước Chỉ
7. Xã Phước Bình
8. Xã Hưng Thuận
9. Xã Đôn Thuận.

IV. Huyện Gò Dầu:

1. Xã Thạnh Đức
2. Xã Cẩm Giang
3. Xã Bàu Đôn
4. Xã Phước Thạnh
5. Xã Thanh Phước
6. Xã Phước Đông
7. Xã Phước Trạch
8. Xã Hiệp Thạnh

9. Thị trấn Gò Dầu.

V. Huyện Bến Cầu:

1. Xã An Thạnh
2. Xã Tiên Thuận
3. Xã Long Thuận
4. Xã Long Khánh
5. Xã Long Phước
6. Xã Long Chữ
7. Xã Lợi Thuận
8. Xã Long Giang
9. Thị Trấn Bến Cầu.

VI. Huyện Châu Thành

1. Xã Đồng Khởi
2. Xã Hòa Hội
3. Xã Biên Giới
4. Xã Ninh Điền
5. Xã Thái Bình
6. Xã Thành Long
7. Xã An Cơ
8. Xã Hảo Đước
9. Xã Thanh Điền
10. Xã Hòa Thạnh
11. Xã Phước Vinh
12. Xã Trí Bình
13. Xã An Bình
14. Xã Long Vĩnh
15. Thị trấn Châu Thành.

VII. Huyện Tân Biên:

1. Xã Tân Phong
2. Xã Tân Lập
3. Xã Thạnh Tây
4. Xã Tân Bình
5. Xã Thạnh Bình
6. Xã Hòa Hiệp
7. Xã Trà Vong
8. Xã Mỹ Công
9. Xã Thạnh Bắc
10. Thị trấn Tân Biên.

VIII. Huyện Dương Minh Châu

1. Xã Cầu Khởi
2. Xã Phước Minh
3. Xã Chà Là

4. Xã Bến Cùi
5. Xã Phước Ninh
6. Xã Lộc Ninh
7. Xã Bàu Năng
8. Xã Phan
9. Xã Suối Đá
10. Thị trấn Dương Minh Châu.

IX. Huyện Tân Châu:

1. Xã Thạnh Đông
2. Xã Tân Hội
3. Xã Tân Hưng
4. Xã Tân Hiệp
5. Xã Tân Đông
6. Xã Tân Thành
7. Xã Suối Ngô
8. Xã Tân Phú
9. Xã Tân Hà
10. Xã Suối Dây
11. Xã Tân Hòa
12. Thị trấn Tân Châu./.

DANH SÁCH
CÁC XÃ, PHƯỜNG CHƯA ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT NĂM 2022
(Kèm theo Báo cáo số ...57.../BC-UBND ngày ...16/02/2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

1. Xã Trường Đông - Thị xã Hòa Thành.
2. Phường Gia Lộc - Thị xã Trảng Bàng.
3. Xã Truông Mít - Huyện Dương Minh Châu./.

